TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2024/DS-ST
Ngày: 20 - 3 - 2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Hoàng Hân**

Bà **Đoàn Thị Liễu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 335/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Thái P, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: số 125, đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 39, đường N, khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 600, đường L, khu phố 5, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lưu Thị Thái P thống nhất trình bày:* Vào năm 2020 do quen biết với bà Đặng Ngọc Đ, bà Đ có giới thiệu bà Trần Thị H vay tiền của tôi. Vào ngày 15/12/2020 bà H mượn của tôi 35.000.000 đồng, cam kết vài ngày sẽ gửi trả lại cho tôi; vào ngày 30/12/2020 bà H mượn số tiền 30.000.000 đồng, hứa 01 tuần sẽ trả lại, không có thỏa thuận lãi suất. Lúc đầu tôi không đồng ý

nhưng bà Đặng Ngọc Đ nói cho bà H mượn đi, tuần sau bà H trả lại. Sau đó bà H đưa cho tôi 1.300.000 đồng tiền lãi.

Tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ vay gốc là 65.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 30/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý trừ lại số tiền 1.300.000 đồng đã nhận từ bà H.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Tôi là bạn của bà Lưu Thị Thái P, ngày 15/12/2020 tôi có mượn của bà P số tiền 35.000.000 đồng, mục đích mượn để sửa chữa ghe ở ngoài biển; đến ngày 30/12/2020 tôi mượn thêm số tiền 30.000.000 đồng, tôi hứa 01 tháng sẽ trả hết số tiền nêu trên cho bà P, khi cho vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 1.300.000 đồng/tháng, nhưng không có ghi trong biên nhận và cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Tổng cộng tiền gốc là 65.000.000 đồng. Sau khi vay tiền đến nay tôi trả được số tiền 1.300.000 đồng tiền lãi, đến nay không có khả năng trả vốn gốc và lãi cho bà P. Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin bà P không tính lãi suất, tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền vốn gốc.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Ngọc Đ trình bày:* Do bà Đ có quen biết với bà Lưu Thị Thái P và bà Trần Thị H, bà H than với bà Đ cần tiền để sửa ghe biển, nên bà Đ có giới thiệu bà H vay tiền của bà Lưu Thị Thái P.

Ngày 15/12/2020 bà Trần Thị H vay của bà Lưu Thị Thái P số tiền 35.000.000 đồng, mục đích mượn để sửa chữa ghe ở ngoài biển; hứa 01 tuần sẽ trả cho bà P; đến ngày 30/12/2020 bà H vay thêm của bà P số tiền 30.000.000 đồng, sau đó bà H hứa đến ngày 25/12/2020 âm lịch sẽ trả hết số tiền nêu trên cho bà P, khi cho vay tiền thì hai bên giao tiền ngay trước cửa nhà của bà Đ, không có thỏa thuận lãi suất. Sau đó bà H có trả cho bà P được số tiền 1.300.000 đồng tiền lãi, đến nay không trả vốn gốc cho bà P. Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, triệu tập đương sự.

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lưu Thị Thái P khởi kiện, yêu cầu bà Trần Thị H trả số tiền nợ vay và tính lãi suất theo quy định pháp luật, đây là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:* Bà Trần Thị H là bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố Rạch Giá nên Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về xác minh thu thập chứng cứ được thực hiện đúng quy định tại Điều 96, 97 BLTTDS.

Về trình tự thụ lý vụ án, thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

Việc chấp hành thời hạn gửi, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự tham gia tố tụng đúng quy định các Điều 170, 171, 172, 177, 179 BLTTDS.

Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án thẩm phán thực hiện chưa đúng quy định theo khoản 1, Điều 203BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Qua quen biết và giới thiệu của bà Đặng Ngọc Đ, ngày 15/12/2020 bà Lưu Thị Thái Phương có cho bà Trần Thị H vay số tiền 35.000.000 đồng, đến ngày 30/12/2020 bà P tiếp tục cho bà H vay thêm 30.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 65.000.000 đồng, khi vay bà H có hứa 01 tuần sẽ trả, các bên không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay, bà H có đưa cho bà P 1.300.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận còn nợ bà P số tiền 65.000.000 đồng và có đưa cho bà P 1.300.000 đồng, đây là tình tết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, đến hạn bà H không trả được nợ cho bà P số tiền 65.000.000 đồng đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, nên bà P yêu cầu bà H trả số tiền vay và lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm từ thời điểm vay (ngày 30/12/2020) đến ngày xét xử, khấu trừ số tiền đã nhận 1.300.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà H xin không tính lãi suất và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ không được phía bà P đồng ý và cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không có cơ sở để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Ngọc Đ đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị H, bà Đặng Ngọc Đ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lưu Thị Thái P khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị H phải trả số tiền vốn gốc và lãi đã vay. Đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị Thái P và bị đơn bà Trần Thị H đều thống nhất xác định bà P có cho bà H vay số tiền gốc 65.000.000 đồng, được thể hiện tại giấy nợ có chữ ký tên của bà H, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 tuần, từ khi vay tiền đến nay bà H chưa trả số tiền gốc đã vay cho bà P.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì việc bà H có vay của bà P số tiền gốc 65.000.000 đồng và hiện nay bà H còn nợ bà P số tiền vốn gốc 65.000.000 đồng là có thật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền gốc là 65.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Bị đơn bà H yêu cầu không tính lãi suất, nhưng không được nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm, từ ngày 30/12/2020 cho đến ngày xét xử (ngày 20/3/2024), căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất được tính như sau: Từ ngày 30/12/2020 đến ngày 20/3/2024 là 38 tháng 20 ngày x 65.000.000 đồng x 10%/năm (0,83%/tháng) = 20.860.666 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là: 65.000.000 đồng + 20.860.000 đồng - 1.300.000 đồng (tiền lãi nguyên đơn đã nhận) = 84.560.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Lưu Thị Thái P số tiền gốc và lãi là 84.560.000 đồng.

[5] Về thời gian trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc, nhưng nguyên đơn bà P không chấp nhận, yêu cầu bà H phải trả 01 lần số nợ trên. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp bà H có hoàn cảnh khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn bà Trần Thị H là người cao tuổi nên không nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn bà P là người cao tuổi nên không nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Thái P về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn bà Trần Thị H.

Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị Thái P số tiền gốc và lãi là 84.560.000 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Nguyên đơn bà Lưu Thị Thái P và bị đơn bà Trần Thị H là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 số Nghị quyết quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên không nộp tạm ứng án phí và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/3/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.